TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO THẮNG** TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HSST
Ngày 18 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Hằng.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Huệ; Ông Nguyễn Mạnh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Mai Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2019/TLST- HS ngày 27 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/HSST-QĐ ngày 08/11/2019 đối với bị cáo:

Lương Xuân Đ, (tên gọi khác: Không), sinh ngày 15/3/1993 tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lương Xuân Đ1, sinh năm 1972 (hiện không xác định được nơi cư trú); Con bà Đỗ Thị H, sinh năm 1972, trú tại: Thôn K, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai; Vợ: Phạm Thị T, sinh năm 1996, đăng ký hộ khẩu thường trú: xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nơi ở: Thôn K, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. Bị cáo có 01 con sinh năm 2019;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bị cáo chưa có án tích, chưa bị xử lý vi phạm hành chính;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 10/5/2019, hiện bị cáo tại ngoại tại Thôn K, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Đỗ Văn N, Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị hại: Ông Lê Văn C (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của của người bị hại:

1. Bà Lê Thị L, sinh năm: 1959. Trú tại: Xã T, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

2. Ông Lê Quang P, sinh năm: 1961. Trú tại: Khu 1, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

3. Bà Lê Thị H, sinh năm 1967. Trú tại: Tổ 1, phường T, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị L và bà Lê Thị H là ông Lê Quang P, sinh năm 1961. Trú tại: Khu 1, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Trần Hà K, anh Trần Văn S, anh Ngụy Văn A, anh Nguyễn Chí P, anh Nguyễn Tiến C, chị Đỗ Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do mới học và được cấp giấy phép lái xe ô tô nên cuối tháng 9/2018, Lương Xuân Đ xin anh Trần Văn S, sinh năm 1980, trú tại tổ 2, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai cho đi cùng xe để nâng cao kỹ năng lái xe, giữa hai người không thỏa thuận gì về việc trả tiền công. Hàng ngày, anh S đỗ xe ô tô biển kiểm soát 24C-016.92 ở bãi để xe ở tổ dân phố số 7, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Do bãi xe có người trông coi nên anh S không khóa cửa xe, chìa khóa luôn cắm trong xe. Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 05/01/2019 tại Km 8 + 200m đường tỉnh lộ 151 thuộc tổ dân phố số 7, thị trấn T, huyện B, Lương Xuân Đ điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 24C-016.92, chở anh Ngụy Văn A, sinh năm 1986, trú tại thôn P, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai ngồi ở ghế phụ đi từ bãi để xe cắt ngang qua đường tỉnh lộ 151, từ phía bên trái sang bên phải đường tỉnh lộ 151 theo hướng L - V với mục đích sang bãi thải GYPS của nhà máy DAP. Khi điều khiển xe ô tô đến sát lề đường bên trái, cách mép đường trái theo hướng L - V khoảng 01m, Đ nhìn thấy có xe ô tô từ hướng V đang đi đến nên đã dừng xe nhường đường cho xe ô tô. Sau khi xe ô tô đi qua, Đ quan sát hai hướng rồi tiếp tục điều khiển xe ô tô đi sang đường mà không sử dụng đèn, còi để báo hiệu. Lúc này, ông Trần Hà K, sinh năm 1958, trú tại tổ 1, phường T, thành phố L, tỉnh Lào Cai điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 24B2-211.03, chở phía sau là ông Lê Văn C, sinh năm 1938, trú tại thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai đang đi đến theo hướng L - V, cách vị trí xe ô tô do Đ điều khiển khoảng hơn 60m. Khi đầu xe ô tô do Đ điều khiển đi đến giữa đường, thì Đ nghe tiếng anh Ngụy Văn A đập tay vào cửa xe ô tô và hô "tránh ra, tránh ra", Đ quay mặt về hướng đi Lào Cai thì thấy xe mô tô do ông Trần Hà K điều khiển từ hướng Lào Cai đang đi đến cách vị trí xe ô tô của Đ khoảng 10 đến 15m, Đ nghĩ xe mô tô sẽ nhường đường cho mình nên Đ vẫn tiếp tục điều khiển xe ô tô đi sang đường. Về phía ông K, khi nhìn thấy xe ô tô đi sang đường nên ông K đã phanh xe mô tô lại, tuy nhiên do phanh gấp nên xe mô tô bị rê về phía trước một đoạn khoảng 0,9m rồi đổ nghiêng bên trái và trượt trên mặt đường theo hướng L - V khoảng 5,5m. Khi xe

mô tô bị đổ trượt về phía trước đã khiến ông K và ông C bị ngã văng ra khỏi xe mô tô. Trong đó, ông C bị văng vào gầm xe ô tô do Đ điều khiển nên đã bị hai hàng bánh phía sau bên phải của xe ô tô chèn qua người. Hậu quả, ông Lê Văn C tử vong tại chỗ, xe mô tô biển kiểm soát 24B2-211.03 bị hư hỏng một số chi tiết.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 31/GĐPY ngày 08/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Lào Cai kết luận nguyên nhân chết: Lê Văn C tử vong bởi chấn thương sọ não, ngực bụng, đa chấn thương phức tạp toàn thân do tai nạn giao thông.

Tại kết luận định giá tài sản trong Tố tụng hình sự số 13/KL-HĐĐG ngày 14/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai kết luận: Giá trị các phụ kiện hư hỏng của xe mô tô biển kiểm soát 24B2-211.03 tại thời điểm xảy ra vụ vi phạm là 2.626.000 đồng.

Bản cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 26/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Lương Xuân Đ về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo Điểm a Khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai cung cấp bổ sung một số tài liệu chứng cứ gồm: Một bản tường trình của ông Trần Hà K ghi ngày 15/11/2019, một biên bản làm việc ngày 15/11/2019 nội dung biên bản xác định đoạn đường xảy ra tai nạn giao thông đường bộ ngày 05/01/2019 tại km 8+200m tỉnh lộ 151 thuộc tổ dân phố số 7, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai, 01 bản ảnh kèm theo biên bản làm việc ngày 15/11/2019 về việc xác định biển báo tại đoạn đường km 8 + 200m tỉnh lộ 151 thuộc địa phận tổ dân phố số 7, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lương Xuân Đ phạm tội: "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo Điểm a Khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự. Trong đó: Về hình phạt chính: Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 260; Điểm b, s, u Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Lương Xuân Đ từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; Về hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng Khoản 5 Điều 260 Bộ luật hình sự cấm hành nghề lái xe đối với bị cáo Lương Xuân Đ trong thời hạn từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng. Tiếp tục tạm giữ giấy phép lái xe do Sở giao thông vận tải tỉnh Lào Cai cấp cho bị cáo để đảm bảo thi hành án; Về bồi thường thiệt hại dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại không còn yêu cầu gì về bồi thường thiệt hại dân sự, nên không đề cập giải quyết; Đề nghị tuyên án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại theo quy định của pháp luật.

Luật sư Đỗ Văn N vắng mặt tại phiên tòa gửi bài luận cứ bào chữa trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Lương Xuân Đ đã khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Lương Xuân Đ về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo Điểm a Khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng pháp luật, không oan sai. Tuy nhiên

đánh giá tổng thể các tình tiết của vụ án thì nguyên nhân vụ tai nạn giao thông xảy ra hậu quả làm ông Lê Văn C tử vong là do lỗi của bị cáo Lương Xuân Đ và một phần lỗi của ông Trần Hà K, trong đó lỗi của bị cáo Đ là nguyên nhân chính gây ra vụ tai nạn, còn ông Trần Hà K có một phần lỗi là thiếu chú ý quan sát, xử lý không tốt dẫn đến xe máy tự đổ gây tai nạn và ông Trần Hà K chưa tuân thủ đúng quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều 5 Thông tư số 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ giao thông vận tải, cụ thể: "Không giảm tốc độ khi tầm nhìn bị hạn chế, khi qua nơi đường bộ có địa hình quanh co, khi lên gần đỉnh dốc, khi xuống dốc"; Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ tại Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đại diện gia đình người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo; Về điều kiện hoàn cảnh của bị cáo rất đáng thương, bị cáo từ khi sinh ra đã không biết mặt cha, hiện nay cũng không biết cha mình ở đâu, gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo, vợ bị cáo mới sinh con nhỏ, vợ bị cáo không có việc làm, bị cáo là lao động chính trong gia đình, là người có nhân thân tốt, hiền lành, chịu khó lao động, luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật và quy định ở địa phương, có nơi cư trú rõ ràng. Thấy rằng việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Luật sư đề nghị áp dụng Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điểm a Khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự; Điều 1, Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ- HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo xử bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt tù (xử phạt không quá 01 năm tù) nhưng cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Lương Xuân Đ khai nhận sáng 05/01/2019 bị cáo tự ý điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 24C-016.92 của anh Trần Văn S đi từ bãi để xe cắt ngang đường tỉnh lộ 151 sang bãi thải GYPS của nhà máy DAP, khi điều khiển xe sang đường bị cáo không có tín hiệu đèn, còi để báo hiệu và khi phát hiện có xe mô tô đi đến do chủ quan bị cáo nghĩ người điều khiển xe mô tô sẽ nhường đường cho bị cáo nên bị cáo không dừng lại nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên mà vẫn tiếp tục sang đường, dẫn đến tai nạn xảy ra hậu quả là ông Lê Văn C tử vong. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với biên bản vụ tai nạn, kết quả khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác đã có trong hồ sơ. Hành vi của bị cáo đã vi phạm vào Khoản 3 Điều 24 Luật giao thông đường bộ năm 2008 "Tại nơi đường giao nhau giữa đường không ưu tiên và đường ưu tiên hoặc giữa đường nhánh và đường chính thì xe đi từ đường không ưu tiên hoặc đường nhánh phải nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên hoặc đường chính từ bất kỳ hướng nào tới".

Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định bản cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 26/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Lương Xuân Đ về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo Điểm a Khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Về hình phạt: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự và hiểu biết pháp luật. Bị cáo đã được học và được cấp giấy phép lái xe hạng C, nên hiểu rõ khi tham gia giao thông người lái xe phải có ý thức tự giác chấp hành nghiêm chỉnh các quy tắc giao thông để đảm bảo an toàn tính mạng cho mình và người khác. Hiểu được điều đó song khi điều khiển xe ô tô sang đường, bị cáo đã chủ quan, không có tín hiệu đèn còi để báo hiệu và cũng không nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên, dẫn đến tai nạn xảy ra hậu quả làm ông Lê Văn C tử vong tại chỗ. Xét thấy tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra là nghiêm trọng, hành vi đó đã xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, ảnh hưởng đến sự hoạt động bình thường của người tham gia giao thông đường bộ, xâm phạm đến tính mạng của công dân. Vì vậy đối với bị cáo cũng cần có một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là đối tượng chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu; Sau khi gây tai nạn đã chủ động ra trình báo cơ quan chức năng, tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho gia đình người bị hại; Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và lập công chuộc tội, cụ thể trong thời gian tại ngoại bị cáo đã giúp cơ quan công an triệt phá một số vụ án hình sự tại huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, người đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Mặt khác hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo sinh ra được 02 tháng tuổi thì bố bị cáo đi làm ăn và không trở về, mẹ bị cáo cũng đi làm thuê ở xa không nuôi dưỡng bị cáo nên bị cáo được ông bà ngoại nuôi dưỡng từ nhỏ, hiện nay bị cáo ở cùng ông bà ngoại đã già yếu và một người cậu bị bệnh tâm thần phân liệt do bị ảnh hưởng của chất độc da cam, vợ bị cáo không có việc làm ổn định, mới sinh con nhỏ, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình. Ông ngoại bị cáo là người có công với đất nước được tặng thưởng huân chương chiến sĩ vẻ vang, huy chương chiến sĩ giải phóng và là thương binh loại A, thương tật hạng ¾ mất 55% sức khỏe và bị nhiễm chất độc da cam. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cũng cần xem xét áp dụng Điểm b, s, u Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4]. Xét thấy bị cáo là đối tượng có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bản thân luôn chấp hành tốt mọi chủ chương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương, điều kiện hoàn cảnh gia đình rất khó

khăn, bản thân là lao động chính trong gia đình.Vì vậy cũng không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát và giáo dục cũng có đủ điều kiện để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về các vấn đề có liên quan trong vụ án: Liên quan trong vụ án này còn có anh Trần Văn S là chủ sở hữu xe ô tô biển kiểm soát 24C- 01692, sau khi mua xe anh S chưa làm thủ tục đăng ký sang tên theo quy định. Tại thời điểm xảy ra tai nạn xe ô tô đã hết thời hạn kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, không đủ điều kiện để tham gia giao thông. Ngày 05/01/2019, bị cáo đã tự ý điều khiển xe ô tô tham gia giao thông gây tai nạn mà không có sự điều động của anh S. Quá trình điều tra vụ án xác định tuy đã hết hạn kiểm định nhưng tại thời điểm xảy ra tai nạn, hệ thống kỹ thuật của xe ô tô vẫn hoạt động bình thường, nguyên nhân chính dẫn đến vụ tai nạn là do lỗi của bị cáo không tuân thủ các quy tắc về an toàn giao thông đường bộ. Do đó, hành vi của anh Trần Văn S không cấu thành tội phạm. Ngày 26/7/2019, Công an huyện Bảo Thắng ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền, tổng số tiền phạt là 8.500.000 đồng đối với anh Trần Văn S, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Ông Lê Quang P là người đại diện hợp pháp của bị hại đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại đã được bị cáo Lương Xuân Đ và chủ xe là anh Trần Văn S tự nguyện bồi thường tiền mai táng phí, tiền bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại với tổng số tiền là 80.000.000 đồng và gia đình bị cáo cũng đã tự nguyện sửa chữa khắc phục hư hỏng của xe mô tô biển kiểm soát 24B2-211.03 của gia đình bà Lê Thị H. Đến nay người đại diện hợp pháp của bị hại và gia đình bà Lê Thị H không có yêu cầu gì thêm về vấn đề bồi thường dân sự, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với số tiền 40.000.000 đồng anh Trần Văn S đã tự nguyện hỗ trợ bị cáo Lương Xuân Đ bồi thường cho gia đình người bị hại và không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8]. Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 xe ô tô biển kiểm soát 24C-016.92, loại xe tải tự đổ, màu xanh, số loại HOWO kèm theo giấy tờ xe gồm: 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001991 tên chủ xe Nguyễn Tiến C; 01 giấy chứng nhận kiểm định số KA 4852242 biển đăng ký 24C-016.92; 01 xe mô tô biển kiểm soát 24B2-211.03 nhãn hiệu HONDA, loại xe VISION màu xanh kèm theo giấy tờ xe gồm: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 084267; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô - xe máy số 181438664 đều mang tên chủ xe Lê Thị H; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 100026001219 mang tên Trần Hà K.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe ô tô biển kiểm soát 24C-016.92 kèm theo giấy tờ xe là tài sản của anh Trần Văn S; Xe mô tô biển kiểm soát 24B2-211.03 kèm theo giấy tờ xe là tài sản của bà Lê Thị H; Giấy phép lái xe hạng A1 là của ông Trần Hà K. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho các chủ sở hữu. Xét thấy là đúng quy định của pháp luật.

Đến nay anh Trần Văn S, bà Lê Thị H, ông Trần Hà K không có ý kiến gì về tài sản đã nhận lại nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Ngoài ra cơ quan điều tra còn thu giữ: 01 giấy phép lái xe hạng C, số 100180001676 mang tên Lương Xuân Đ. Xét thấy không cần thiết phải tạm giữ nên cần áp dụng Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên trả lại cho bị cáo.

[9]. Về án phí: Bị cáo Lương Xuân Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. Về đề nghị của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo: Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về hình phạt chính đối với bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật. Tuy nhiên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và việc tranh tụng tại phiên tòa để quyết định mức hình phạt thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Tại phiên tòa bị cáo không đề nghị gì; Đối với Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày luận cứ bào chữa cho rằng vụ tai nạn giao thông xảy ra dẫn đến ông Lê Văn C tử vong có một phần lỗi của ông Trần Hà K vì khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông ông Trần Hà K thiếu chú ý quan sát, xử lý không tốt dẫn đến xe máy tự đổ gây tai nạn trong đó có viện dẫn bút lục 122 với nội dung ông K thừa nhận nội dung nêu trên. Tuy nhiên, những lời khai khác của ông K có trong hồ sơ vụ án cũng như trong bản tự khai của ông K ngày 15/11/2019 Kiểm sát viên đã cung cấp tại phiên tòa thì ông K xác định bản thân khi điều khiển xe tham gia giao thông luôn đi đúng phần đường, làn đường, vận tốc theo quy định. Việc lời khai ban đầu ông K khai mình có một phần lỗi trong vụ tai nạn giao thông thì bản thân ông xác định do lúc đó sự việc mới xảy ra, là con rể của người bị nạn lại là người chở ông C tham gia giao thông, sau đó bị tai nạn làm ông C tử vong ông thấy có lỗi với mọi người trong gia đình vợ, lỗi ở đây là vấn đề lương tâm, chứ không phải lỗi là nguyên nhân dẫn đến vụ tai nạn giao thông này. Ngoài ra, Luật sư viện dẫn Điều 5 thông tư 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (gọi tắt là thông tư 91) để xác định ông K có một phần lỗi là chưa tuân thủ đúng quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 5 Thông tư 91 là: "Không giảm tốc độ khi tầm nhìn bị hạn chế, khi qua nơi đường bộ có địa hình quanh co, khi lên gần đỉnh dốc, khi xuống dốc" là không đúng, bởi theo biên bản xác minh (có bản ảnh kèm theo) do Kiểm sát viên cung cấp tại phiên tòa thì đoạn đường xảy ra tai nạn giao thông là đoạn đường thẳng không phải đoạn đường quanh co, xuống dốc, lên dốc và ông K đang điều khiển xe với vận tốc khoảng 40km/h nên không phải giảm tốc độ trong trường hợp này. Mặt khác, ông K đang điều khiển

xe tham gia giao thông trên phần đường ưu tiên còn bị cáo thì đi từ bên trái sang bên phải đường tỉnh lộ 151 (theo hướng L - V) nên bị cáo phải có nghĩa vụ dừng lại một cách an toàn. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bản thân bị cáo cũng khai nhận đã nhìn thấy ông K đang điều khiển xe đi về phía trước (phía bị cáo) trước thời điểm xảy ra tai nạn, bị cáo nhận thức rõ ông K đang lưu thông trên đường ưu tiên, bị cáo phải có nghĩa vụ nhường đường cho ông K nhưng bị cáo lại vô ý do quá tự tin và cẩu thả, nghĩ ông K sẽ nhường đường cho mình nên bị cáo tiếp tục điều khiển xe cắt quang qua đường tỉnh lộ 151 mà không sử dụng đèn, còi tín hiệu dẫn đến ông K bị bất ngờ không kịp xử lý tình huống dẫn đến xảy ra tai nạn làm ông Lê Văn C tử vong. Do đó, Hội đồng xét xử khẳng định luận cứ bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo xác định ông Trần Hà K có một phần lỗi trong vụ tai nạn giao thông là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Đối với đề nghị của Luật sư về hình phạt chính đối với bị cáo phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11]. Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp, đúng với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 260; Điểm b, s, u Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lương Xuân Đ phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Xử phạt bị cáo Lương Xuân Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lương Xuân Đ cho Uỷ ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự hai lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Về vật chứng: Áp dụng Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên trả cho bị cáo Lương Xuân Đ 01 giấy phép lái xe số 100180001676 do Sở giao thông vận tải tỉnh Lào Cai cấp ngày 08/5/2018.

Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lương Xuân Đ phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng;
- CQCSĐT CA huyện Bảo Thắng;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Lào Cai;
- Sở tư pháp Lào Cai;
- Bị cáo;
- Đại diện HP của bị hại (03);
- Thi hành án hình sự (02);
- Lưu HS; TA; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(đã ký)

Phạm Thị Thu Hằng